Ngày soạn: 03/9/2024 Tiết theo KHGD: 3; 4; 5

**BÀI 2: TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

Thời gian thực hiện: (03 tiết)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Về kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết và biết cách viết tập hợp các số tự nhiên; phân biệt được kí hiệu hai tập và \*.

- Biết đọc và viết được các số tự nhiên có nhiều chữ số.

- Biết được mỗi số tự nhiên được biểu diễn một điểm trên tia số.

- Biết được với một số tự nhiên có nhiều chữ số thì mỗi chữ số ở những vị trí khác nhau có giá trị khác nhau; biết viết một số thành tổng các số theo các hàng và ngược lại ( đặc biệt đối với các số có chứa chữ).

- Biết đọc và viết các số La Mã từ 1 đến 30.

- Biết so sánh hai số tự nhiên có nhiều chữ số và chọn được số lớn nhất, nhỏ nhất trong dãy số cho trước.

**2. Về năng lực**

**\*Năng lực chung:** Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**\*Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng các kiến thức giải bài toán có có nội dung thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,Bảng ghi sẵn các số La Mã từ 1 đến 30.

**2 - HS** : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS thấy được sự tồn tại của các con số trong, qua đó gợi được nội dung của bài học như: ôn lại về số tự nhiên, giá trị của mỗi chữ số trong một số tự nhiên và so sánh các số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dươi sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS quan sát bảng, đọc dân số tương ứng ở mỗi tỉnh và trả lời câu hỏi đặt ra.

- GV khẳng định: Mỗi số trên đều là số tự nhiên.

- GV đặt thêm câu hỏi:

+ “Số chỉ dân số ở Hà Nội có mấy chữ số và gồm những chữ số nào?”

+ “Giá trị của chữ số 9 thứ nhất và chữ số 9 thứ hai trong số 8 093 900 kể từ trái sang phải bằng bao nhiêu?”

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ trong 3 phút.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trình bày câu trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài học mới: Ở tiểu học, ta đã biết các số 0, 1, 2, 3, 4,... được gọi là các số tự nhiên. Tập hợp các số tự nhiên kí hiệu là . Chúng ta có liệt kê được hết các phần tử của tập hợp N không? Vậy tập hợp sẽ được viết như thế nào?”

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tập hợp và tập hợp \***

**a) Mục tiêu:**

**-** Phân biệt được tập hợp số tự nhiên ( ) và tập các số tự nhiên khác 0 ( ­\*­).

- Củng cố lại cách biểu diễn một tập hợp.

**b) Nội dung:**

- GV giảng, trình bày.

- HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 1***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV nhấn mạnh và nhắc nhở HS phải biết cách viết và phân biệt hai tập hợp và \*.  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành Ví dụ 1.  - GV yêu cầu HS hoàn thành ***Luyện tập 1.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định: -** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại tập hợp và ­\*:  **= { 0; 1; 2; 3; 4;...}**  **­\*= { 1; 2; 3; 4; 5;...}** | **I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN**  **1. Tập hợp và \***  - Các số 0, 1, 2, 3, 4,... là các số tự nhiên.  - Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu là **,** tức là  **= { 0; 1; 2; 3; 4; ...}**  - Tập hợp các số tự nhiên khác 0 được kí hiệu là **\***, tức **N\* = { 1; 2; 3; 4; ...}.**  ***Luyện tập 1.***  Phát biểu đúng là:  b) Nếu x ∈ **\*** thì x ∈ **.** |

**Hoạt động 2: Cách đọc và viết số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- HS đọc và viết được số tự nhiên theo yêu cầu.

- Củng cố cho HS đơn vị tỉ và lớp tỉ.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 3, 4***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc và viết số theo yêu cầu trong ***Hoạt động 1***.  - GV nhấn mạnh cách viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phải sang trái cho dễ đọc trong phần kiến thức bổ sung ở khung lưu ý.  - GV yêu cầu HS đọc và trình bày Ví dụ 2.  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, đọc cho nhau nghe ***Luyện tập 2.***  - GV cho HS tự hoàn thành vở ***Luyện tập 3.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và tổng quát cách đọc, ghi số tự nhiên. | **2. Cách đọc và viết số tự nhiên**  ***Hoạt động 1:***  a) Đọc số 12 123 452: Mười hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai.  b) Viết số Ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi: 34 650.  **\* Lưu ý:**  **Khi viết các số tự nhiên có bốn chữ số trở lên, người ta thường viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phải sang trái cho dễ đọc.**  ***Luyện tập 2:***  + 71 219 367: *Bảy mươi mốt triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy*;  + 1 153 692 305: *Một tỉ một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn ba trăm linh năm.*  ***Luyện tập 3:***  Ba tỉ hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn hai trăm mười bảy: ***3 259 633 217.*** |

**Hoạt động 3: Biểu diễn số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên.

- Nhận biết được tia số và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.

- HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.

- HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.

**b) Nội dung:** HS chú ý theo dõi SGK, lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:**

HS nắm được kiến thức và hoàn thành phần ***Luyện tập 4***

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc HS ghi nhớ lại kiến thức đã biết ở tiểu học: Mỗi số tự nhiên đều được biểu diễn bởi một điểm trên tia số.  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành ***Hoạt động 2:***  + Xác định chữ số hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm của mỗi số đã cho.  + Viết số 953 thành tổng ( theo mẫu).  - GV giảng, phân tích cho HS thấy rõ mỗi số đã cho được tạo bởi các chữ số nào và thành phần của mỗi số.    - GV yêu cầu HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - GV nhắc HS ghi nhớ cách kí hiệu số tự nhiên có hai chữ số, ba chữ số mà trong số đó có chứa chữ.  - GV yêu cầu HS đọc và trình bày Ví dụ 3.  - GV hướng dẫn HS ghi nhớ kết quả việc phân tích các số có chứa chữ thành tổng giá trị các hàng.  - GV cho HS tự hoàn thành vở ***Luyện tập 4.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận nhiệm vụ hoạt động cặp đôi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, trình bày tại chỗ hặc trình bày bảng.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chốt lại đáp án và nêu lại trọng tâm kiến thức. | **II. Biểu điễn số tự nhiên**  **1. Biểu diễn số tự nhiên trên tia số**  - Các số tự nhiên được biểu diễn trên tia số. Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số:  **2. Cấu tạo thập phân của số tự nhiên**  ***Hoạt động 2:***  a) + 966 có chữ số hàng trăm là 9, chữ số hàng chục là 6 và chữ số hàng đơn vị là 6.  + 953 có chữ số hàng trăm là 9, chữ số hàng chục là 5 và chữ số hàng đơn vị là 3.  b) 953 = 900 + 50 + 3.  Kết luận:  ***- Số tự nhiên được viết trong hệ thập phân bởi một, hai hay nhiều chữ số. Các chữ số được dùng là 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9. Khi một số gồm hai chữ số trở lên thì chữ số đầu tiên ( tính từ trái sáng phải) khác 0.***  ***- Trong cách viết một số tự nhiên có nhiều chữ số, mỗi chữ số ở những vị trí khác nhau có giá trị khác nhau.***  ***+ Kí hiệu : ( a 0) chỉ số tự nhiên có hai chữ số, chữ số hàng chục là a, chữ số hàng đơn vị là b.***  ***+ Kí hiệu (a 0) chỉ số tự nhiên có ba chữ số,chữ số hàng trăm là a, chữ số hàng chục là b, chữ số hàng đơn vị là c.***  ***Luyện tập 4:***  = a x 100 + b x 10  = a x 100 + c  = a x 1000 + 1 |

**Hoạt động 4: Số La Mã**

**a) Mục tiêu:**

- HS hệ thống được bảy chữ số La Mã cơ bản và sáu số La Mã đặc biệt.

- HS biểu diễn được các số tự nhiên từ  đến  bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.

- HS biết đọc, viết các số La Mã từ  đến .

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐ3 SGK trang 11 từ đó HS biểu diễn được các số tự nhiên từ  đến  bằng số La Mã, đọc được giờ trên đồng hồ sử dụng số La Mã.

- Vận dụng làm bài ví dụ 4, Luyện tập 5 SGK trang 11.

**c) Sản phẩm:**

- Đọc số ghi trên mặt đồng hồ

- Lời giải bài ví dụ 4, Luyện tập 5SGK trang 11.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS hệ thống được bảy chữ số La Mã cơ bản và sáu số La Mã đặc biệt mà em đã tìm hiểu trong phần "Em có biết" SGK trang 14 mà em đã đọc trong phần bài học về nhà của tiết trước.  - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ3 trong SGK trang 11.  - GV giới thiệu cách ghi số La Mã từ  đến .  - GV Giới thiệu ba chữ số La Mã ghi các số trên là: .  - GV **chú ý**: ở số La Mã những chữ số ở các vị trí khác nhau vẫn có giá trị như nhau.  - Làm bài ví dụ 4 và Luyện tập 5 SGK trang 11.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS hệ thống bảy chữ số La Mã cơ bản và sáu số La Mã đặc biệt.  - HS thực hiện các yêu cầu HĐ3 xem mặt đồng hồ, đọc các số ghi trên đồng hồ, cho biết giờ đồng hồ đang chỉ.  - HS làm ví dụ 4 theo cá nhân.  - HS thực hiện Luyện tập 5 theo cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ trình bày HĐ3.  - GV yêu cầu 2 HS làm ví dụ 4 và Luyện tập 5.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3.  - GV chính xác hóa kết quả bài Luyện tập 5. | **3. Số La Mã**  + Bảng các số La Mã từ 1 đến 30 SKG trang 11.  **\*VD 4**  a)đọc là mười bốn ; đọc là mười chín.  b) viết là ; viết là .  **\* Luyện tập 5 SGK 11**  a) Đọc số  +đọc là mười sáu ;  +đọc là mười tám ;  +đọc là hai mươi hai;  +đọc là hai mươi sáu ;  +đọc là hai mươi tám.  b) Viết số  + viết là  + viết là  + viết là  + viết là  + viết là  + viết là . |

**Hoạt động 5: So sánh các số tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

- HS biết so sánh hai số tự nhiên có số các chữ số khác nhau và so sánh hai số tự nhiên có số các chữ số bằng nhau, so sánh được số thứ 3 thông qua số trung gian (tính chất bắc cầu).

- HS biết viết ký hiệu 2 số tự nhiên khi so sánh.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện HĐ4 SGK trang 12.

- Vận dụng làm bài ví dụ 5, Luyện tập 6SGK trang 12.

**c) Sản phẩm:**

- Quy tắc khi so sánh hai số tự nhiên có số các chữ số khác nhau và so sánh hai số tự nhiên có số các chữ số bằng nhau.

- Tính chất bắc cầu.

- Lời giải bài ví dụ 4, Luyện tập 5 SGK trang 12.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV giới thiệu trong hai số tự nhiên khác nhau luôn có một số nhỏ hơn số kia.  - GV giới thiệu cách viết kí hiệu nếu  nhỏ hơn  - GV yêu cầu thực hiện HĐ4 trong SGK trang 12  - GV yêu cầu HS dự đoán và phát biểu quy tắc so sánh hai số tự nhiên.  - GV yêu cầu HS dự đoán còn cách so sánh hai số tự nhiên khác nhau nào không?  - Làm bài ví dụ 4 và Luyện tập 5 SGK trang 12.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ trình bày HĐ4 và dự đoán quy tắc so sánh 2 số tự nhiên.  - GV yêu cầu 2 HS làm ví dụ 5 và trình bày Luyện tập 5 trên bảng.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ, quy tắc so sánh 2 số tự nhiên, so sánh thông qua số trung gian.  - GV chính xác hóa kết quả bài Luyện tập 6. | **III. So sánh các số tự nhiên**  \* Kí hiệu : Nếu  nhỏ hơn  ta viết  hoặc  +  +  **\*Quy tắc: SGK trang 12**  + Ghi nhớ : nếu  và  thì  **\* Luyện tập 6 SGK 12**  a) Số có bảy chữ số; số  có sáu chữ số nên  b) Số  và số  đều có tám chữ số mà ở cặp chữ số bảy cả hai số thì ta thấy  nên |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- HS được ôn luyện củng cố các kiến thức về số tự nhiên, cấu tạo số tự nhiên, so sánh số tự nhiên

**b) Nội dung:**

- HS được củng cố các kiến thức về cấu tạo số và so sánh các số tự nhiên.

-HS giải được các bài tập cơ bản về cấu tạo số và so sánh số tự nhiên.

Đọc viết được số La mã

**c) Sản phẩm:**

-HS giải được các dạng toán liên quan đến số tự nhiên, cấu tạo số tự nhiên, so sánh số tự nhiên, Viết đọc được số La mã

**d) Tổ chức thực hiện:**

* **Dạng 1: Số tự nhiên, cấu tạo số tự nhiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Chữa bài tập**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Gv yêu cầu 3 HS lên bảng chữa bài tập 1/SGK tr 12; bài tập 2/SGK tr 13  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - 2HS thực hiện cá nhân trên bảng  - HS khác theo dõi và nhận xét bài làm  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng chữa bài  - GV yêu cầu HS cả lớp theo dõi, quan sát và nhận xét lần lượt từng bài.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của các bài.  **Mở rộng**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Gv chiếu các bài tập mở rộng 1; 2; 3 yêu cầu HS làm bài  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - Bài mở rộng 1; 2; 3 học sinh thực hiện cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu 2 HS lên thực hiện bài mở rộng 1 và 2  - GV yêu cầu HS cả lớp theo dõi, quan sát và nhận xét lần lượt từng bài.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa kết quả của các bài. | **\*Bài tập 1/SGK tr 12**   |  |  | | --- | --- | | **Tổng** | **Số** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   \***Bài tập 2/SGK tr 13**  a) Số tự nhiên lớn nhất có  chữ số khác nhau là : .  b) Số tự nhiên nhỏ nhất có  chữ số khác nhau là : .  c) Số tự nhiên chẵn lớn nhất có chữ số khác nhau là : .  d) Số tự nhiên lẻ nhỏ nhất có  chữ số khác nhau là : .  \***Bài tập MR 1**  1) Một số tự nhiên khác 0 thay đổi như thế nào nếu ta viết thêm:  a) Chữ số  vào cuối số đó?  b) Chữ số  vào cuối số đó?  2) Một số tự nhiên có ba chữ số thay đổi như thế nào nếu ta viết thêm số vào trước số đó?  **Lời giải**  1)  a) Một số tự nhiên khác  tăng  lần nếu ta viết thêm chữ số vào cuối số đó.  b) Một số tự nhiên khác tăng  lần và thêm  đơn vị nếu ta viết thêm chữ số  vào cuối số đó.  2) Một số tự nhiên có ba chữ số tăng  đơn vị nếu ta viết thêm số  vào trước số đó.  \***Bài tập MR 2.** Viết tập hợp các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó :  a) Chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị là .  b) Chữ số hàng chục gấp lần chữ số hàng đơn vị.  c) Chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị, tổng của hai chữ số bằng .  **Lời giải**  a) Tập hợp A các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị là  là: .  b) Tập hợp B các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó chữ số hàng chục gấp 4 lần chữ số hàng đơn vị là: .  c) Tập hợp C các số tự nhiên có hai chữ số, trong đó chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị và tổng của hai chữ số bằng 14 là:  \***Bài tập MR 3.**  a) Dùng ba chữ số viết tất cả các số tự nhiên có hai chữ số mỗi chữ số được viết một lần.  b) Dùng cả ba chữ số viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số mỗi số được viết 1 lần.  c) Dùng cả năm chữ số để viết số tự nhiên lớn nhất có năm chữ số mỗi số được viết một lần.  d) Dùng cả sáu chữ số để viết số tự nhiên nhỏ nhất có sáu chữ số mỗi số được viết một lần.  **Lời giải**  a) .  b) .  c) .  d) . |

* **Dạng 2: So sánh số tự nhiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Chữa bài tập**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Gv yêu cầu 2 HS lên bảng chữa bài tập 6, bài tập 7 /SGK tr 13.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - 2 HS thực hiện cá nhân trên bảng.  - HS khác theo dõi và nhận xét bài làm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng chữa bài.  - GV yêu cầu HS cả lớp theo dõi, quan sát và nhận xét lần lượt từng bài.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV chính xác hóa kết quả của các bài.  - GV yêu cầu HS ghi nhớ các quy ước về kí hiệu ở mục ghi nhớ của bài 6.  **Mở rộng**  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Gv chiếu các bài tập mở rộng 4,5 yêu cầu HS làm bài  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - Bài mở rộng 4, 5 học sinh thực hiện cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 2 HS lên thực hiện bài mở rộng 4 và 5.  - GV yêu cầu HS cả lớp theo dõi, quan sát và nhận xét lần lượt từng bài.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV chính xác hóa kết quả của các bài. | \***Bài tập 6/SGK tr 13**  a) Ta có  b) Ta có    c) Ta có    \***Bài tập 7/SGK tr 13**  a) Ta có :    mà  Vậy chữ số  cần điền là .  b) Ta có :    Vậy chữ số  cần điền là .  \***Bài tập MR 4.** Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:  a) A =  b)B =  c) C =  **Lời giải**  a) .  b) .  c) .  \***Bài tập MR 5.** Viết vào chỗ trống ở mỗi dòng để được ba số tự nhiên liên tiếp :  a) Tăng dần    b) Giảm dần    **Lời giải**  a)    b) |

**Dạng 3: Số La Mã**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Đọc viết số La mã  -GV yêu cầu HS đọc mục: “*Có thể em chưa biết*” SGK trang 14.  -GV yêu cầu HS cho biết có bao nhiêu số La Mã cơ bản? Là những số nào trong hệ thập phân và cách viết chúng trong hệ La Mã?  -GV yêu cầu HS cho biết có bao nhiêu số La Mã đặc biệt? Là những số nào trong hệ thập phân và cách viết chúng trong hệ La Mã?  -GV yêu cầu HS tìm hiểu cách ghi số La Mã, từ đó làm bài tập sau:  **Bài tập:**  a) Số có giá trị bao nhiêu trong hệ thập phân?  b) Viết các số thập phân sau bằng số La Mã:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  -HS thực hiện cá nhân các yêu cầu của GV  -HS thực hiện bài tập theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  -GV yêu cầu từng HS báo cáo các nhiệm vụ trên  -GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả bài tập  **\* Kết luận, nhận định 3:**  -GV chính xác hóa các số La Mã cơ bản và đặc biệt.  -GV chính xác hóa cách ghi các số La Mã.  -GV chính xác hóa kết quả bài tập . Và nhận xét việc thực hiện các nhiệm vụ của HS. | Đọc số La mã sau : VII; XIII; XXVIII  Viết các số sau bằng số La mã : 29,16;13  **\* Tìm hiểu mục: “Có thể em chưa biết”**  **Bài tập:**  a)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số La  Mã |  |  |  | MM |  | | Giá trị  thập phân |  |  |  | 2000 |  |   b)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Giá trị thập phân |  |  |  |  | | Số La Mã |  |  |  |  | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS được ôn luyện củng cố các kiến thức về số tự nhiên, cấu tạo số tự nhiên, so sánh số tự nhiên vào các bài toán thực tế

**b) Nội dung:**

- HS được củng cố các kiến thức so sánh các số tự nhiên để so sánh dân số các nước Đông nam Á;so sánh giá tiền một số mựt hàng

-HS giải được các bài toán thực tế

**c) Sản phẩm:**

-HS giải được các dạng toán liên quan đến so sánh số tự nhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập :**

**Bài 1:**

Bảng sau đây cho biết dân số của 10 nước Đông Nam Á

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên nước** | **Dân số năm 20117( triệu người)** |
| **Bruner** | **421** |
| **Campuchia** | **15.178** |
| **Indonesia** | **261.891** |
| **Lào** | **6.753** |
| **Malaysia** | **32.050** |
| **Myanmar** | **53.388** |
| **Philippines** | **104.921** |
| **Singapore** | **5.612** |
| **Thái Lan** | **67.635** |
| **Việt Nam** | **93.672** |

a Viết tập hợp A gồm 5 nước có dân số đông nhất theo bảng

b)Viết tập hợp A gồm 5 nước có dân số ít nhất theo bảng.

Bài 2: Cho bảng thực đơn của một quán ăn như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên món | Giá tiền( đồng / bát) |
| Bún bò Huế | 55.000 |
| Bánh canh | 50.000 |
| Bún chả lợn | 45.000 |
| Bún chả Cua | 60.000 |
| Mì Quảng | 60.000 |

1. Viết tập hợp các món có giá từ 55.000 đ trở lên
2. Viết lại bảng theo thứ tự các món có giá từ bé đến lớn

Bài 3: Bạn Trang mua một bộ sách với giá 259 nghìn đồng , bạn chỉ mang 3 loại mệnh giá 1000đ, 10.000đ; 100.000đ. Bạn trang trả tiền như thế nào để phải đếm số tờ tiền ít nhất mà người bán hàng không phải bù lại tiền

**\* HS thực hiện nhiệm vụ**

- Hoạt động cá nhân Bài 1,2

-Hoạt động nhóm bàn Bài 3

**\* Báo cáo, thảo luận**

GV chiếu bài 1,2 của cá nhân để hs nhận xét

Đại diện nhóm trình bài bài 3

**\* Kết luận, nhận định 5:**

- GV chính xác hóa kết quả của các nhóm và cá nhân

**Bài 1:**

A**=**{ Indonesia; Philippines; Việt Nam, Thái Lan; Myanmar}

B={ Bruner; Singapore; Lào; Campuchia;Myanmar}

**Bài 2:**

A={ Bún bò Huế; Bún chả Cua; Mì Quảng}

Bún chả lợn;Bánh canh, Bún bò Huế; Bún chả Cua, Mì Quảng

**Bài 3: 259=2.100+5.10+1.9**

**Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Làm các bài tập sau: - Làm bài tập 4 ; 6 ; 7,8 SGK trang 13.

**Bài tập 1:**

**a)** Viết các số tự nhiên có  chữ số sao cho chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là .

**b)** Viết các số tự nhiên có  chữ số sao cho tổng các chữ số của mỗi số đều bằng .

**Bài tập 2:**

**a)** Dùng 3 chữ số  hãy viết tất cả các số có ba chữ số trong mỗi số các chữ số đều khác nhau.

**b)** Dùng 4 chữ số  hãy viết tất cả các số có bốn chữ số trong mỗi sốcác chữ số đều khác nhau.

**Bài tập 3:** Viết các tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử:

A =

B =

C =

**Bài tập 4:** Tìm hai số, biết rằng tổng của chúng gấp  lần hiệu của chúng, còn tích của chúng gấp  lần hiệu của chúng.